

Phật Học Pháp Số

Lời Bạt

Khi đọc nghiên cứu Kinh sách Phật Giáo, phần nhiều chúng ta thường bị trở ngại về những pháp số. Thí dụ đọc câu: "Nguyện tiêu Tam Chướng trừ phiền não"..., người tụng đọc chỉ lướt qua mà không hiểu tam chướng là gì. Vì tam chướng là một Pháp Số. Hoặc trong bài Tán Lễ của thời công phu khuya, trong đó có câu : " Tứ sanh cửu hữu đồng dâng hoa tạng" v.v... Tứ sanh, cửu hữu là những pháp số. Nếu chúng ta tụng đọc mà không hiểu những pháp số này, thì chúng ta cũng không thể nào hiểu được ý nghĩa. Đó là một trở ngại rất lớn cho người nghiên cứu học hỏi. Nhằm giúp cho những người học Phật đỡ mất thời gian tra tìm, nên chúng tôi cố gắng sưu tầm một số Pháp Số thông dụng mà Phật tử đọc tụng Kinh điển Phật giáo thường gặp. Những pháp số này, không nhất thiết là phải theo thứ tự số mục Hán tự: Nhị, tam, tứ v.v...

Ở đây, chúng tôi chỉ nhắm vào việc giải thích những pháp số cho rõ nghĩa thêm, chứ chúng tôi không có đối chiếu qua những ngôn ngữ tương đương, việc làm này dành cho những nhà chuyên môn làm tự điển thực hiện.

Vì trang báo có hạn, nên mỗi kỳ báo, chúng tôi cố gắng sưu tầm giải thích qua một vài pháp số để giúp cho quý vị tiện bề học hỏi.

Ban Hoàng Pháp

Nhị Thập Ngũ Hữu

Nhị thập ngũ hữu nghĩa là 25 cõi, đây là chỉ cho thế giới mê vọng mà chúng sanh trôi lăn trong sanh tử luân hồi, được chia thành 25 cõi. Sở dĩ có ra những cảnh giới sai biệt này, là do vì chúng sanh tạo nghiệp nhân sai biệt, nên kết thành những quả báo sai biệt như thế.

Hai mươi lăm cõi được phân định trong tam giới như sau :

- **Cõi Dục** gồm có 14 : Tứ ác thú, Tứ châu và Lục dục thiên.

* Tứ ác thú hay còn gọi là Tứ ác đạo (chữ thú và chữ đạo đồng nghĩa) gồm có cảnh giới mà chúng sanh thọ báo : địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh và A tu la.

* Tứ châu gồm có 4 châu là : Nam thiên bộ châu, Đông thắng thần châu, Tây ngưu hóa châu và Bắc cầu lư châu.

* Lục dục thiên gồm có 6 cõi trời : Tứ thiên vương, Đạo lợi thiên, Dạ ma thiên, Đâu suất thiên, Hóa lạc thiên, Tha hóa tự tại thiên.

- **Cõi Sắc** gồm có 7 : Tứ thiên và

Tam tịnh cư thiên :

* Tứ thiên là 4 cảnh giới thiên định gồm có : Sơ thiên, Nhị thiên, Tam thiên và Tứ thiên.

* Tam tịnh cư thiên gồm những cõi trời : Đại phạm thiên, Tịnh cư thiên và Vô tưởng thiên.

- **Cõi Vô Sắc** gồm có Tứ Không Định : Không vô biên xứ định, Thức vô biên xứ định, Vô sở hữu xứ định, và Phi tưởng phi phi tưởng xứ định.

Ngũ Thú Tọa Cư Địa

Ngũ thú tọa cư địa chỉ cho 5 loài chúng sanh chung sống lẫn lộn với nhau ở cõi Dục. Chữ thú có nghĩa là đến. Ý nói, chúng sanh do tạo nghiệp thiện hoặc bất thiện mà đến (thú) mỗi cảnh giới (địa) sanh ra để thọ báo. 5 loài đó gồm có:

- 1- Địa ngục. 2- Ngạ quỷ.
- 3- Súc sanh. 4- Nhơn.
- 5- Thiên.

Tứ Tắt Đàn

Theo Luận Đại Trí Độ 1, giáo pháp của Phật có nhiều loại sai biệt, mới nhìn vào dường như mâu thuẫn, nhưng nếu tổng hợp giáo thuyết ấy thì có 4 tắt đàn khác nhau, đều là thật nghĩa chứ không chống trái nhau :

1- Thế Giới Tắt Đàn : Tùy thuận pháp thế gian mà nói nghĩa nhân duyên hòa hợp; cũng tức là dùng các sự vật thông thường ở thế gian như tư tưởng, ngôn ngữ, quan niệm để thuyết minh chân lý duyên khởi. Như thân người do nhân duyên hòa hợp mà tồn tại, nên chẳng là thật thể. Cho rằng thân người là tồn tại vốn là kiến chấp của thế tục để tùy thuận mọi người, khiến cho phàm phu vui mừng mà được chánh trí thế gian, nên Tắt đàn này còn gọi là Lạc dục tắt đàn.

2- Các Các Vị Nhân Tắt Đàn (gọi tắt là Nhân tắt đàn) : Tức tùy theo căn cơ năng lực khác nhau của mỗi chúng sanh mà nói các pháp thực tiễn xuất thế, khiến chúng sanh sanh khởi thiện căn, nên còn gọi là Sanh thiện tắt đàn.

3- Đối Trị Tất Đàn : Nhằm đối trị các phiền não tham sân si của chúng sanh, tùy bệnh mà cho thuốc pháp. Đây là giáo pháp để diệt trừ phiền não và ác nghiệp của chúng sanh, vì Tất đàn này có công năng đoạn trừ các điều ác của chúng sanh, nên còn gọi là Đoạn ác tất đàn.

4- Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn : Tức phá trừ tất cả luận nghị, ngữ ngôn, trực tiếp dùng Đệ nhất nghĩa để làm sáng tỏ lý thật tướng của các pháp, khiến chúng sanh chân chánh khế nhập giáo pháp, nên còn gọi là Nhập lý tất đàn.

Kinh Pháp Hoa Huyền Nghĩa 1, Hạ có nêu ra 2 loại : Khả thuyết đệ nhất nghĩa tất đàn và Bất khả thuyết đệ nhất nghĩa tất đàn. Khả thuyết đệ nhất nghĩa tất đàn chính là 4 câu : “ Tất cả thật, tất cả chẳng phải thật, tất cả chẳng phải thật, tất cả chẳng phải thật chẳng phải thật.” Còn Bất khả thuyết đệ nhất nghĩa tất đàn là lý sở chứng của chư Phật. Cũng trong Pháp Hoa huyền Nghĩa còn phối hợp Tứ tất đàn với Tứ đế của Tứ giáo : Tạng, Thông, Biệt, Viên của Tông Thiên Thai. Thế giới tất đàn phối hợp với sanh diệt tứ đế của Tạng giáo, Vị nhân tất đàn phối hợp với



vô sanh tứ đế của Thông giáo, Đối trị tất đàn phối hợp với vô lượng tứ đế của Biệt giáo. Đệ nhất nghĩa tất đàn phối hợp với vô tác tứ đế của Viên giáo.

Tứ Y

Bốn thứ chánh pháp mà người tu đạo y chỉ, bao gồm Tứ y và Tứ bất y.

1- Y Pháp Bất Y Nhân. Còn gọi : Tùy pháp bất tùy nhân : Người tu đạo nên lấy pháp làm sở y, không nên lấy người làm sở y. Nếu người ấy tuy là phàm phu hoặc ngoại đạo, nhưng đạo lý do người ấy nói ra khế hợp với chánh pháp thì cũng có thể tin nhận vâng làm; trái lại, nếu người ấy tuy hiện thân Phật đầy đủ tướng hảo nhưng những lời do người ấy nói không khế hợp với chánh pháp thì phải tự xa lìa, không nên y chỉ vào đó.

2- Y Liễu Nghĩa Kinh Bất Y Bất Liễu Nghĩa Kinh. Còn gọi : Tùy liễu nghĩa kinh bất tùy bất liễu nghĩa Kinh. Trong tam tạng có Kinh liễu nghĩa, Kinh bất liễu nghĩa, người tu đạo phải lấy quyết định liễu nghĩa Kinh chỉ bày nghĩa trung đạo thật tướng làm sở y, không nên lấy Kinh bất liễu nghĩa làm sở y.

3- Y Nghĩa Bất Y Ngữ. Còn gọi : Tùy nghĩa bất tùy tự : Người tu đạo nên lấy Trung đạo đệ nhất nghĩa làm sở y; không nên lấy sự biểu hiện của văn tự, ngữ ngôn làm sở y.

4- Y Trí Bất Y Thức. Còn gọi :

Tùy trí bất tùy thức : Người tu đạo nên lấy chân trí huệ làm sở y, không nên lấy tình thức như gian làm sở y.

Tứ Vô Ngại Biện Tài

Tứ vô ngại biện tài, còn gọi là : Tứ vô ngại biện giải. Bốn thứ năng lực lý giải (tức trí giải) và năng lực diễn đạt bằng ngôn ngữ (tức biện tài) một cách tự do tự tại không trệ ngại. Bốn thứ này đều lấy trí huệ làm bản chất nên gọi là Tứ vô ngại trí; nếu nói theo năng lực lý giải thì gọi là Tứ vô ngại giải, còn nói theo năng lực diễn đạt bằng ngôn ngữ thì gọi là Tứ vô ngại biện. Đây là pháp hóa độ chúng sanh nên cũng gọi là Tứ hóa pháp. Theo Luận Câu Xá 27 thì Tứ vô ngại biện tài là :

1- Pháp Vô Ngại Biện Tài : Khéo có khả năng thuyết biểu, lãnh ngộ danh cú, văn chương của pháp, đồng thời quyết đoán được vô ngại.

2- Nghĩa Vô Ngại Biện Tài : Tinh thông nghĩa lý được thuyết biểu bởi pháp, đồng thời quyết đoán được vô ngại.

3- Từ Vô Ngại Biện Tài : Tinh thông phương ngôn của các địa phương một cách vô ngại tự tại.

4- Biện Vô Ngại Biện Tài : Tùy thuận chánh lý tuyên dương vô ngại; hoặc cũng gọi là nhạo thuyết. Tức khéo tùy thuận sự mong cầu của người khác mà ưa thích nói pháp.

Ban Hoàng Pháp

